

BỘ CÔNG THƯƠNG
VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC,
CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VIÊN CHỨC NĂM 2022

Số: 1062 /TB-CLCT

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

**Kết quả phỏng vấn thi nghiệp vụ chuyên ngành
xét tuyển viên chức năm 2022 của Viện Nghiên cứu Chiến lược,
Chính sách Công Thương**

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022 của Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách Công Thương trân trọng thông báo kết quả phỏng vấn thi nghiệp vụ chuyên ngành xét tuyển viên chức năm 2022.

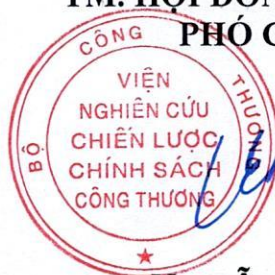
(Kết quả phỏng vấn thi nghiệp vụ chuyên ngành xét tuyển viên chức năm 2022 gửi kèm theo)

Kết quả phỏng vấn thi nghiệp vụ chuyên ngành xét tuyển viên chức năm 2022 được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử Vioit.org.vn và Vioit.vn, đồng thời niêm yết công khai tại trụ sở Viện Nghiên cứu chiến lược chính sách Công Thương, số 17 Yết Kiêu, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội./.

Nơi nhận:

- Thí sinh;
- Website: Vioit.org.vn;
- Tạp chí: Vioit.vn;
- Niêm yết tại trụ sở Viện;
- Thành viên HĐTD;
- Thành viên BKTSH, BGS;
- Lưu: VT, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Khánh

**KẾT QUẢ ĐIỂM PHÒNG VẤN THI NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022**

Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương

Vị trí đăng ký dự tuyển: Nghiên cứu viên (V.05.01.03)

(Kèm theo Thông báo số **1062**/TB-CLCT ngày 20 tháng 12 năm 2022
của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiến lược Chính sách Công Thương)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Số báo danh	Điểm thi phỏng vấn	Điểm ưu tiên	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	Trần Đình Anh	02/6/2000	Nam	001	83.33		83.33	
2	Đàm Thị Ngọc Ánh	30/11/1999	Nữ	002	86.67	5.00	91.67	
3	Phạm Xuân Bách	08/12/1995	Nam	003	78.33		78.33	
4	Đào Vân Chi	30/11/1998	Nữ	004	85.00		85.00	
5	Lê Văn Cường	04/02/1990	Nam	005				
6	Vũ Văn Duy	01/01/1983	Nam	006	80.00		80.00	
7	La Nông Dương	03/11/1994	Nam	007				
8	Nguyễn Văn Đăng	02/4/1986	Nam	008	78.33		78.33	
9	Lê Hữu Đông	20/5/1988	Nam	009	75.00		75.00	
10	Đào Mạnh Đức	22/8/1977	Nam	010	83.33		83.33	
11	Lê Khanh	06/11/1989	Nam	011				
12	Nguyễn Văn Hằng	15/7/2000	Nữ	012				
13	Trần Gia Hiền	26/9/1998	Nam	013	88.33		88.33	
14	Giáp Minh Huyền	15/11/1996	Nữ	014	93.33		93.33	
15	Đặng Việt Hưng	02/11/1995	Nam	015				
16	Lê Thị Lan Hương	21/10/1997	Nữ	016				
17	Trần Mỹ Linh	11/9/2000	Nữ	017	88.33		88.33	
18	Nguyễn Thị Thùy Linh	14/12/1997	Nữ	018	91.67		91.67	
19	Hoàng Ngọc Mai	26/10/1999	Nam	019	78.33		78.33	
20	Nguyễn Thị Thanh Mai	24/11/2000	Nữ	020	90.00		90.00	
21	Nguyễn Việt Nam	02/02/1988	Nam	021	78.33		78.33	
22	Nguyễn Minh Ngọc	23/9/1992	Nữ	022				
23	Thân Thị Nhung	28/10/1999	Nữ	023	80.00		80.00	
24	Hồ Trung Thành	15/4/1979	Nam	024	83.33		83.33	
25	Nguyễn Dương Diệu Thúy	08/7/1997	Nữ	025				
26	Phạm Quỳnh Trang	12/10/1995	Nữ	026	78.33		78.33	
27	Đồng Phú Trọng	20/10/2000	Nam	027				
28	Hà Mạnh Tuấn	06/9/1985	Nam	028	86.67		86.67	
29	Ngô Ngọc Tuấn	16/11/1984	Nam	029	75.00		75.00	